TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HS-ST
Ngày: 18 - 02 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên.

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Vy – Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Quách Diệp Nguyệt Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2025, đối với bị cáo:

Phạm Văn V, sinh năm: 1992, tại: Bình Đ; Thường trú: BC, N1, xã T, thị xã AN, tỉnh Đ; Nơi đăng ký tạm trú: Số A đường O, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Quản lý nhà hàng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị G; Vợ: Châu Ngọc Kim Đ; Có 01 con sinh năm 2018; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Tạm giữ, tạm giam ngày: 14/10/2024; (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Ông Nguyễn Nhật D; Địa chỉ: Số A đường O, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị Thu H; Địa chỉ thường trú: Số MC đường T, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Số C Đường B2, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Quốc L; Địa chỉ: Số C7 tổ MB, ấp AT, xã AN, huyện Đ, tỉnh V (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2024, Phạm Văn V ở chung phòng trọ số 02 tại lầu 2 nhà số A đường O, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh với anh Nguyễn Nhật D, Nguyễn Tuấn V2, Đ và P (không rõ họ tên lai lịch). Trong phòng có bố trí 02 gường tầng, mỗi gường có 03 tầng dùng để ngủ. Phạm Văn V sử dụng chung gường tầng với Đ và V2 (V nằm tầng dưới cùng), các gường còn lại D với P sử dụng (D nằm gường trên cùng).

Vào lúc 13 giờ ngày 09/10/2024, Phạm Văn V thức dậy thay đồ để đi làm, khi V chuẩn bị ra khỏi phòng thì phát hiện trên gường tầng chỗ D nằm ngay cửa ra vào có để một cái túi đựng laptop màu đen. Lúc này, do đang thiếu tiền nên V nảy sinh ý định lấy trộm tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện, V leo lên cầu thang gường tầng của D lấy túi màu đen có đựng laptop xuống rồi nhanh chóng bỏ vào balo của V. Trước khi rời khỏi phòng, V cố ý không khóa cửa phòng và để hé cửa chính nhằm tạo hiện trường có người ngoài đột nhập vào phòng trọ để lấy trộm tài sản. V mang balo cá nhân có cất giấu chiếc laptop vừa trộm được đi xuống tầng trệt lấy xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 72K1-199.06 rời khỏi phòng trọ. V điều khiển xe đi đến chỗ làm tại số H đường P, Phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh làm việc như bình thường. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, V mang tài sản vừa trộm cắp được đến cửa hàng TH, địa chỉ số C Đường B2, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh để bán. Tại đây, V gặp chị Trương Thị Thu H chủ cửa hàng và đưa máy tính xách tay cho chị H xem và chị H hỏi máy của ai, V nói dối với chị H là máy của V mới mua và sử dụng được một tháng. Sau khi xem máy thì chị H thu mua với giá 6.000.000 đồng bằng cách chuyển khoản ngân hàng. Sau khi bán được máy tính đến khoảng 08 giờ sáng ngày 10/10/2024 V về lại phòng trọ. Khi về đến phòng trọ V gặp D, V2 rồi V đi ngủ như không có chuyện gì xảy ra.

Sau khi mất trộm tài sản anh Nguyễn Nhật D đã đến Công an Phường B, quận G trình báo. Công an phường B, quận G tiếp nhận nguồn tin về tội phạm sau đó chuyển tin báo vụ việc trên Cơ quan Cảnh sát điều tra để thụ lý. Quá trình điều tra, Phạm Văn V thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 223/KL–HĐĐGTS ngày 22/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân quận G kết luận: Máy tính xách tay hiệu Asus Vivoboook A1505ZA i512500H/16GB/512GB màu bạc đã qua sử dụng, có giá trị 7.500.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) máy tính xách tay hiệu Asus Vivoboook A1505ZA i512500H/16GB/512GB đã qua sử dụng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã thu hồi và trả lại cho bị hại anh Nguyễn Nhật D;

- 01 (một) USB trích xuất từ video ghi lại hình ảnh Phạm Văn V thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đoạn video ghi nhận V bán máy tính chiếm đoạt của bị hại anh D;

- 01 (một) ba lo màu đen V dùng để chứa tài sản trộm cắp;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 9A, số emei:860306053704466 là của V sử dụng nhận tiền chuyển khoản ngân hàng từ việc bán tài sản trộm cắp;

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 72K1-199.06 đã qua sử dụng. Qua xác minh xe do anh Nguyễn Quốc L đứng tên chủ sở hữu. Anh L khai mua xe trên vào tháng 11/2013 để sử dụng, đến đầu năm 2024 anh L cho chị họ là Châu Ngọc Kim Đ mượn để làm phương tiện đi lại cho đến nay nhưng Giấy đăng ký xe anh L đang giữ không giao cho bà Đ.

Cơ quan điều tra nhập kho theo phiếu nhập kho số 293/PNK ngày 05/11/2024.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Nhật D đã nhận lại tài sản là 01 (một) máy tính xách tay Asus Vivoboook A1505ZA i512500H/16GB/512GB và không có yêu cầu gì;

Bà Trương Thị Thu H đã được V trả lại số tiền 6.000.000 đồng tiền bà H đã bỏ ra thu mua máy tính của V nên bà H không có yêu cầu.

Đối với bà Trương Thị Thu H khi mua 01 (một) máy tính xách tay của bị cáo V không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G bị cáo Phạm Văn V đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKS-GV ngày 06/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận G đã truy tố Phạm Văn V về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc L trình bày: Ông là chủ sở hữu chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 72K1-199.06 đã qua sử dụng. Ông L khai mua xe trên vào tháng 11/2013 để sử dụng, đến đầu năm 2024 ông cho chị họ là Châu Ngọc Kim Đ mượn để làm phương tiện đi lại cho đến nay nhưng Giấy đăng ký xe anh L đang giữ không giao cho bà Đ, sau đó bà Đ (vợ ông V) đã đưa chiếc xe trên cho ông V làm phương tiện đi lại. Trong thời gian sử dụng chiếc xe ông V đã có hành vi trộm cắp tài sản, sự việc này ông L hoàn toàn không biết và ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông nhận lại chiếc xe nêu trên.

Tại phiên toà,

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát sau khi luận tội và đưa ra quan điểm xét xử đã đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn V từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Ông D, bà H đã nhận lại tài sản nên không xem xét.

Căn cứ Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 1, điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Đề nghị xử lý vật chứng:

- 01 (một) USB chứa dữ liệu trích xuất camera vụ án lưu trong hồ sơ vụ án;

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 72K1-199.06 đã qua sử dụng. Qua xác minh xe do ông Nguyễn Quốc L đứng tên chủ sở hữu. Ông L khai mua xe trên vào tháng 11/2013 để sử dụng, đến đầu năm 2024 ông L cho chị họ là Châu Ngọc Kim Đ mượn để làm phương tiện đi lại cho đến nay nhưng Giấy đăng ký xe ông L đang giữ không giao cho bà Đ. Ông L không biết bị cáo sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, trả lại chiếc xe xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 72K1-199.06 đã qua sử dụng cho ông L.

- Tịch thu sung quỹ: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 9A, số emei:860306053704466 thu giữ của V sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) ba lo màu đen thu giữ của V sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo Phạm Văn V khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án được tóm tắt như trên và không tự bào chữa, không tranh luận, bị cáo đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại ông D vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà H và ông L vắng mặt.

Tại phiên tòa khi nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Về việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phiên tòa: Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã trình bày lời khai và yêu cầu, vì vậy căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Văn V tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Thể hiện bị cáo đã có hành vi: Vào ngày 09/10/2024, tại địa chỉ Số A đường O, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại ông Nguyễn Nhật D 01(một) máy tính xách tay Asus VivoboookA1505ZA i512500H/16GB/512GB giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân quận G đã truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi muốn chiếm đoạt tài sản để tiêu xài cá nhân không qua lao động chân chính nên vẫn cố tình phạm tội. Do đó, cần phải có mức án thoả đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo đã tích cực nhờ người nhà bồi thường cho bà H số tiền 6.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đồng thời qua đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận G, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giúp cho bị cáo có điều kiện học tập cải tạo lại mình sau này biết tôn trọng pháp luật và đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Ông D đã nhận lại 01 (một) máy tính xách tay hiệu Asus Vivoboook A1505ZA i512500H/16GB/512GB bị mất trộm, ông D không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà H đã

nhận lại số tiền bồi thường 6.000.000 đồng từ gia đình bị cáo và cũng không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xét thấy:

Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 72K1-199.06 do ông L là chủ sở hữu, ông L không biết bị cáo sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 72K1-199.06 cho ông L.

- 01 (một) USB chứa dữ liệu trích xuất camera là tài liệu chứng cứ nên lưu trong hồ sơ vụ án.

- Tịch thu sung quỹ: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 9A, số emei:860306053704466.

- Đối với 01 (một) ba lo màu đen thu giữ của V dùng để đựng tài sản để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không có yêu cầu nhận lại, Hội đồng xét xử xét thấy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn V phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Xử phạt bị cáo Phạm Văn V 08 (tám) tháng tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 14/10/2024.

2. Căn cứ Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- 01 (một) USB chứa dữ liệu trích xuất camera vụ án lưu trong hồ sơ vụ án.

- Trả lại cho ông Nguyễn Quốc L 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 72K1-199.06 (đã qua sử dụng).

- Tịch thu sung quỹ: 01 (một) điện hoại di động hiệu Redmi 9A, số emei:860306053704466.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) ba lo màu đen, tình trạng: đã qua sử dụng.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 293/PNK ngày 05/11/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận G).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phạm Văn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

5. Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát quận G;
- Công an quận G;
- Trại giam nơi giam bị cáo;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận G;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Chinh